

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30
THÁNG 11 NĂM 2015**

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng thành viên	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 11 năm 2015	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015	12 - 33
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	34 - 35



CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng thành viên

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015.

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre (tên viết tắt là “BTREWACO”) được chuyển đổi từ Công ty Cấp thoát nước Bến Tre (được thành lập theo Quyết định số 991/QĐ-UB ngày 2 tháng 12 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300107725 ngày 14 tháng 12 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 3 ngày 22 tháng 03 năm 2013.

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre trực thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bến Tre.

Vốn điều lệ: 119.925.574.903 đồng (một trăm mười chín tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn chín trăm lẻ ba đồng).

Vào ngày 04 tháng 08 năm 2014, Ủy Ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã phê duyệt Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong đó có tăng vốn điều lệ lên là 180.005.334.114 đồng, đơn vị chưa đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho phần vốn điều lệ tăng thêm này.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Điện thoại : +84 (075) 3 825 727
- Fax : +84 (075) 3 827 781
- Mã số thuế : 1300107725

• Thông tin về chi nhánh

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	
4	Địa điểm kinh doanh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre – Nhà máy nước An Hiệp.	Lô A1 đến A5, KCN An Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	

2817
NG T
HIỆM H
ÁN VÀ
ẤN V
P. HỒ

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng thành viên (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công cơ khí các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng (không gia công cơ khí trong địa bàn nội ô Tp. Bến Tre);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học, chi tiết: Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Thi công xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế-dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

4. Ban điều hành, quản lý

Điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2015 bao gồm:

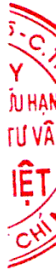
Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Chí Vũ	Giám đốc
Bà Hồ Thị Bích Hà	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Phong	Kế toán trưởng

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Chí Vũ.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 35.



CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng thành viên (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015, Công ty chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300107725 ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.

Ban điều hành của Công ty kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Chí Vũ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Thị Diễm Phượng	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc
Hồ Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên HĐQT
Lê Văn Phong	Trưởng Ban kiểm soát
Trần Thị Hồng Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Đình Huân	Thành viên Ban kiểm soát
Trần Hùng	Phó Tổng giám đốc
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng thành viên (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng thành viên phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng thành viên,



ĐINH CHÍ VŨ

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Bến Tre, ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Số: 2033/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 11 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 được lập ngày 22 tháng 02 năm 2016 (từ trang 08 đến trang 35) của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre (Sau đây gọi tắt là "Công ty").

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre. Báo cáo này được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKH số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		145.086.709.937	51.285.653.955
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	109.793.009.280	16.864.749.399
111	1. Tiền		103.087.925.853	1.369.251.368
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.705.083.427	15.495.498.031
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.141.483.364	13.032.263.149
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	9.102.387.913	9.726.971.145
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	6.424.207.284	3.182.667.860
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	123.677.674	122.624.144
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.5	491.210.493	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	7.934.258.039	11.555.206.805
141	1. Hàng tồn kho		7.934.258.039	11.555.206.805
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.217.959.254	9.833.434.602
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.217.959.254	9.787.685.706
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	45.748.896
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		437.660.354.869	360.534.691.601
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		310.887.617.169	238.836.187.152
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	310.849.617.169	238.798.187.152
222	- Nguyên giá		511.314.536.170	418.524.202.462
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(200.464.919.001)	(179.726.015.310)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	38.000.000	38.000.000
228	- Nguyên giá		190.000.000	190.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(152.000.000)	(152.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.9	119.441.805.991	115.261.237.484
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		119.441.805.991	115.261.237.484
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.330.931.709	6.437.266.965
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	7.330.931.709	6.437.266.965
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		582.747.064.806	411.820.345.556

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

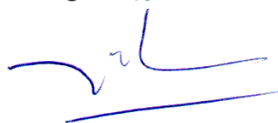
Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		302.747.064.806	141.868.643.942
310	I. Nợ ngắn hạn		171.553.029.342	34.190.031.873
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	14.829.407.529	7.362.479.023
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	2.527.363
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	722.649.923	1.227.327.099
314	4. Phải trả người lao động	V.13	6.471.596.378	4.459.191.638
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	1.561.641.313	456.487.450
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	126.108.355.388	409.525.887
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16a	19.741.972.313	16.719.421.348
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	2.117.406.498	3.553.072.065
330	II. Nợ dài hạn		131.194.035.464	107.678.612.069
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
336	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	5. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.16b	131.194.035.464	107.678.612.069
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		280.000.000.000	269.951.701.614
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	280.000.000.000	269.951.701.614
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.000.000.000	92.952.574.777
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.000.000.000	92.952.574.777
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	3.279.663.728
416	4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	34.576.494.419
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		-	60.751.035.731
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
422	9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	78.391.932.959
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		582.747.064.806	411.820.345.556

Người lập biểu



VÕ THỊ THIÊN TRANG

Kế toán trưởng



LÊ VĂN PHONG



Giám Đốc

PHẠM CHÍ VŨ

Bến Tre, ngày 22 tháng 02 năm 2016.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	11 tháng đầu năm 2015	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	95.327.058.409	92.496.300.199
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		4.701.166	259.123
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.322.357.243	92.496.041.076
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	29.976.355.847	26.393.620.800
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.346.001.396	66.102.420.276
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	569.882.504	1.176.582.768
22	7. Chi phí tài chính		5.175.083.558	7.107.810.814
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.175.083.558	7.107.810.814
24	8. Chi phí bán hàng	VI.4	27.055.506.848	28.791.866.788
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	9.443.851.625	7.671.953.588
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.241.441.869	23.707.371.854
31	11. Thu nhập khác		73.181.906	220.628.074
32	12. Chi phí khác	VI.6	211.863.494	780.114.914
40	13. Lợi nhuận khác		(138.681.588)	(559.486.840)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.102.760.281	23.147.885.014
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.300.130.005	5.040.718.050
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.802.630.276	18.107.166.964

Người lập biểu

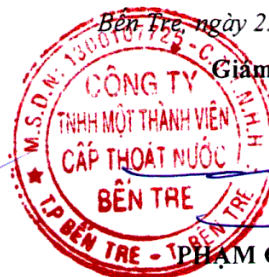


VÕ THỊ THIÊN TRANG

Kế toán trưởng




LÊ VĂN PHONG



Bến Tre, ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Giám Đốc



PHẠM CHÍ VŨ

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

ĐVT: VNĐ

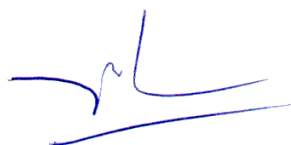
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	11 tháng đầu năm 2015	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		103.762.617.656	99.419.251.290
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(26.902.828.267)	(46.478.505.344)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(23.996.380.057)	(25.146.297.551)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(4.210.779.808)	(7.107.810.814)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.980.531.091)	(5.215.330.349)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		115.250.974.675	49.667.783.419
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.062.861.315)	(12.410.552.297)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		144.860.211.793	52.728.538.354
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(89.183.940.704)	(102.441.653.426)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		665.716.046	1.107.649.082
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(88.518.224.658)	(101.334.004.344)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		10.048.298.386	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	40.448.590.868	57.068.754.092
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(13.910.616.508)	(15.448.051.560)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		36.586.272.746	41.620.702.532
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		92.928.259.881	(6.984.763.458)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16.864.749.399	23.849.512.857
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	109.793.009.280	16.864.749.399

Bến Tre, ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



VÕ THỊ THIÊN TRANG



LÊ VĂN PHONG



PHẠM CHÍ VŨ

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty TNHH MTV, do Nhà nước làm chủ sở hữu, trực thuộc UBND tỉnh Bến Tre.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công cơ khí các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng (không gia công cơ khí trong địa bàn nội ô Tp. Bến Tre);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học, chi tiết: Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Thi công xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế-dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 230 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 11 năm 2015, nhằm mục đích chuyển đổi sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 06 tháng 07 năm 2015 của Công ty CP Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 15

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về ngân sách Nhà nước sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước Sơn Đông – Thành Triệu (miễn thuế TNDN 3 năm kể từ năm 2009 và giảm 50% cho 5 năm tiếp theo, thời gian giảm kể từ năm 2012 đến năm 2016).

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.182.791	664.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	103.083.743.062	1.368.587.368
Các khoản tương đương tiền	-	15.495.498.031
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	6.705.083.427	15.292.352.916
Cộng	<u>109.793.009.280</u>	<u>16.864.749.399</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	9.102.387.913	9.726.971.145
- Phải thu tiền nước của các hộ dân	8.901.140.838	8.651.735.776
- Ban quản lý dự án chuyên ngành xây dựng Bến Tre	51.207.000	692.300.000
- Các đối tượng khác	150.040.075	382.935.369
Cộng	<u>9.102.387.913</u>	<u>9.726.971.145</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Là các khoản trả trước cho người bán để thực hiện thi công về dự án xây dựng cấp thoát nước.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	6.424.207.284	3.182.667.860
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Miền Nam	5.588.019.414	-
- Công ty Phát triển hạ tầng Bến Tre	-	737.722.000
- Các đối tượng khác	-	3.182.667.860
Cộng	<u>6.424.207.284</u>	<u>3.182.667.860</u>

4. Phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ, ký cược	88.070.629	-	33.620.184	-
- Tạm ứng cho nhân viên	11.200.000	-	14.800.000	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn đến ngày 30/11/2015	24.407.045	-	74.203.960	-
Cộng	<u>123.677.674</u>	<u>-</u>	<u>122.624.144</u>	<u>-</u>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Là khoản chênh lệch nợ phải thu tiền nước giữa sổ kế toán với nợ phải thu tiền nước thực tế chưa rõ nguyên nhân.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	6.877.002.928	-	10.901.857.521	-
- Công cụ, dụng cụ	16.219.409	-	33.916.901	-
- Chi phí SXKD dở dang	1.041.035.702	-	619.432.383	-
Cộng	7.934.258.039	-	11.555.206.805	-

(*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lực kế,...)

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí phân bổ của các công cụ, dụng cụ, thiết bị sản xuất được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	103.537.339.728	19.218.112.538	295.113.255.650	655.494.546	418.524.202.462
Mua trong kỳ	180.340.109	856.492.900	801.256.291	-	1.838.089.300
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.774.738.820	3.231.522.194	72.993.446.394	-	90.999.707.408
Giảm khác	-	42.267.000	5.196.000	-	47.463.000
Số cuối kỳ	118.492.418.657	23.263.860.632	368.902.762.335	655.494.546	511.314.536.170
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	38.119.642.399	9.910.897.010	131.263.200.669	432.275.232	179.726.015.310
Khấu hao trong kỳ	4.047.584.632	1.085.860.417	15.624.884.742	14.387.500	20.772.717.291
Giảm khác	-	33.813.600	-	-	33.813.600
Số cuối kỳ	42.167.227.031	10.962.943.827	146.888.085.411	446.662.732	200.464.919.001
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	65.417.697.329	9.307.215.528	163.850.054.981	223.219.314	238.798.187.152
Số cuối kỳ	76.325.191.626	12.300.916.805	222.014.676.924	208.831.814	310.849.617.169

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 149.732.034.447 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.16).

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	190.000.000	190.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	190.000.000	190.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	152.000.000	152.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	152.000.000	152.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	38.000.000	38.000.000
Số cuối kỳ	38.000.000	38.000.000

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	115.261.237.484	97.115.680.778	(91.027.699.994)	(1.907.412.277)	119.441.805.991
- Dự án hệ thống phân phối nước sạch huyện Mô Cày Nam, Mô Cày Bắc	46.503.618.958	34.894.481.353	(65.212.141.373)	(1.182.539.442)	15.003.419.496
- Dự án nhà máy nước An Hiệp	65.195.958.693	44.830.108.349	(5.759.046.762)	(221.000)	104.266.799.280
- Các công trình khác	3.561.659.833	17.391.091.076	(20.056.511.859)	(724.651.835)	171.587.215
Cộng	115.261.237.484	97.115.680.778	(91.027.699.994)	(1.907.412.277)	119.441.805.991

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	14.829.407.529	7.362.479.023
- Công ty CP Nước ngầm II	6.535.220.368	-
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	3.781.605.617	3.781.605.617
- Công ty Xây dựng số 1 – TNHH MTV	3.189.930.166	1.643.850.380
- Các nhà cung cấp khác	1.322.651.378	1.937.023.026
Cộng	<u>14.829.407.529</u>	<u>7.362.479.023</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.666.973.449	(1.491.496.062)	175.477.387	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	861.684.621	-	5.300.130.005	(5.980.531.091)	181.283.535	-
- Thuế thu nhập cá nhân	64.266.860	-	49.326.973	(64.266.860)	49.326.973	-
- Thuế nhà đất, thuê đất	-	-	9.535.809	(9.535.809)	-	-
- Thuế tài nguyên	13.145.970	-	159.860.160	(158.908.080)	14.098.050	-
- Phí bảo vệ môi trường	288.229.648	-	3.493.040.301	(3.478.805.971)	302.463.978	-
- Thuế môn bài	-	-	8.500.000	(8.500.000)	-	-
Cộng	<u>1.227.327.099</u>	<u>-</u>	<u>10.687.366.697</u>	<u>(11.192.043.873)</u>	<u>722.649.923</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	11 tháng đầu năm 2015	12 tháng năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.102.760.281	23.147.885.014
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	667.008.843	580.031.052
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	667.008.843	580.031.052
Thu nhập chịu thuế	24.769.769.124	23.727.916.066
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế không hưởng ưu đãi	23.413.230.923	22.292.528.190
Thu nhập chịu thuế hưởng ưu đãi	1.356.538.201	1.435.387.876
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.449.349.207	5.220.141.535
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (được giảm 50% tương ứng với Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi) ^(*)	(149.219.202)	(179.423.485)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.300.130.005	5.040.718.050

13. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Viên chức quản lý, kiểm soát viên	234.230.533	201.218.635
- Cán bộ công nhân viên	5.018.010.784	4.257.973.003
- Người lao động dôi dư do cổ phần hóa	1.219.355.061	-
Cộng	6.471.596.378	4.459.191.638

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>125.456.601.290</i>	-
Phải trả về cổ phần hóa (tiền phải trả về việc bán cổ phần cho các cổ đông)	125.456.601.290	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>651.754.098</i>	<i>409.525.887</i>
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	30.476.380	31.936.840
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	44.113.000	23.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>577.164.718</u>	<u>354.589.047</u>
Cộng	<u>126.108.355.388</u>	<u>409.525.887</u>

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.741.972.313</i>	<i>19.741.972.313</i>	<i>16.719.421.348</i>	<i>16.719.421.348</i>
Vay dài hạn đến hạn trả			16.719.421.348	16.719.421.348
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre	10.958.111.513	10.958.111.513	8.042.000.000	8.042.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bến Tre	4.769.180.800	4.769.180.800	4.992.741.348	4.992.741.348
- Ngân hàng TMCP Đông Á – CN Bến Tre	3.684.680.000	3.684.680.000	3.684.680.000	3.684.680.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre	330.000.000	330.000.000	-	-
Cộng	<u>19.741.972.313</u>	<u>19.741.972.313</u>	<u>16.719.421.348</u>	<u>16.719.421.348</u>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	131.194.035.464	131.194.035.464	107.678.612.069	107.678.612.069
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	115.287.534.780	115.287.534.780	90.475.284.801	90.475.284.801
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽²⁾	12.200.578.163	12.200.578.163	13.429.659.882	13.429.659.882
- Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre ⁽³⁾	1.010.157.386	1.010.157.386	3.773.667.386	3.773.667.386
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽⁴⁾	2.695.765.135	2.695.765.135	-	-
Cộng	131.194.035.464	131.194.035.464	107.678.612.069	107.678.612.069

(1) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008 :

- Hạn mức : 64.836.778.484 đồng
- Thời hạn vay : 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ)
- Lãi suất : 5%/năm
- Tài sản đảm bảo : Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010 gồm tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/11/2015 là 45.379.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 2.162.000.000 đồng.

b) Hợp đồng tín dụng số 02/2010/HĐTDĐT-NHPT-PC ngày 26/08/2010 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng tín dụng số 02A/2010/HĐTDĐT-NHPT-PC ngày 26/10/2010 02B/2010/HĐTDĐT-NHPT-BTR ngày 12/09/2011 và 02C/2010/HĐTDĐT-NHPT-BTR ngày 27/10/2011

- Hạn mức : 29.400.000.000 đồng
- Thời hạn vay : 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên.
- Lãi suất : 9,6%/năm (lãi quá hạn 14,4%/năm).
- Mục đích vay : Mở rộng và nâng cấp công suất Nhà máy nước Sơn Đông, Tp. Bến Tre từ 16.900 m³/ngày lên 31.900m³/ngày.
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc theo Hợp đồng thế chấp số 02A/2010/HĐTCTS-NHPT-PC ngày 26/10/2010. Tổng giá trị tài sản thế chấp ước tính theo định giá của Ngân hàng khoảng 47.798.463.538 đồng.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/11/2015 là 79.165.534.780 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 7.095.000.000 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Khoản vay bằng vốn ODA do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ theo hợp đồng số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 23/04/2013, hợp đồng sửa đổi số 01A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 19/06/2013, phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐODA-NHPTVN ngày 18/04/2014, hợp đồng sửa đổi số 02A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 02/07/2014 :

- Hạn mức : 177.360.000.000 đồng
- Thời hạn vay : 15 năm (ân hạn 2,5 năm từ ngày giải ngân lần đầu)
- Lãi suất : 5%/năm (trong hạn), 7,5%/năm (quá hạn).
- Mục đích vay : Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước An Hiệp huyện Châu Thành giai đoạn 1, công suất 15.000 m³/ngày.
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành trong tương lai.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/11/2015 là 1.220.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 1.220.000.000 đồng.

d) Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 03/2015/HĐTDĐT-NHPT ngày 07/09/2015

- Hạn mức : 34.248.000.000 đồng
- Thời hạn trả nợ vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên.
- Lãi suất : 8,55%/năm tại thời điểm vay, lãi suất của các khoản vay sau theo từng lần phát sinh.
- Mục đích vay : đầu tư các hạng mục xây dựng thuộc Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mô Cày Nam và huyện Mô Cày Bắc.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/11/2015 là 481.111.513 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 481.111.513 đồng.

(2) Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng tín dụng số 14.65.008/2014-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 03/07/2014:

- Hạn mức: 2.500.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Cài tạo tháp oxy và cụm bể thép thành bể lắng Nhà máy nước Hữu Định.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay
- Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 1.520.000.000 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 380.000.000 đồng.

b) Hợp đồng tín dụng số 13.33.001/HĐTD ngày 07/01/201:

- Hạn mức: 23.655.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 96 tháng (kể từ ngày 7/01/2013 đến ngày 07/01/2021).
- Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
- Mục đích vay: Đầu tư hệ thống cấp nước Khu công nghiệp và khu dân cư Giao Long, huyện Châu Thành, Bến Tre.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay
- Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 7.993.827.091 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 1.527.422.360 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- c) Hợp đồng tín dụng số 13.33.002/HĐTĐ ngày 17/01/2013:
- Hạn mức: 550.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 96 tháng (kể từ ngày 7/01/2013 đến ngày 07/01/2021).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: Đầu tư trạm cấp nước huyện Chợ Lách, Bến Tre.
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 247.500.000 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 110.000.000 đồng.
- e) Hợp đồng tín dụng số 14.65.002/2014-HĐTĐĐA/NHCT780-BTREWACO ngày 31/03/2014:
- Hạn mức: 4.000.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 36 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: Nâng công suất nhà máy nước Lương Quoi.
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất diện tích 2.280,6 m² tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre là Công trình Nhà máy nước Lương Quoi và hệ thống nâng công suất Nhà máy nước Lương Quoi từ 150m³/h lên 250m³/h.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 1.660.905.700 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 1.107.265.600 đồng.
- f) Hợp đồng tín dụng số 14.65.004/2014-HĐTĐĐA/NHCT780-BTREWACO ngày 12/03/2014:
- Hạn mức: 2.280.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 36 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: Đầu tư đường ống cấp nước D60&D168 huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 937.043.491 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 624.000.000 đồng.
- g) Hợp đồng tín dụng số 14.65.14/2014-HĐTĐĐA/NHCT780-BTREWACO ngày 27/12/2014:
- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: Cài tạo cum xử lý 1.200m³/ngày – Trạm cấp nước Chợ Lách.
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 1.597.150.000 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2015 là: 375.800.000 đồng.
- h) Hợp đồng tín dụng số 15.65.003/2015-HĐTĐĐA/NHCT780-BTREWACO ngày 13/03/2015:
- Hạn mức: 542.503.400 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm, hạng mục ống nhánh cấp nước uPVC_D60 (năm 2014).
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 488.253.060 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 108.500.680 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- i) Hợp đồng tín dụng số 15.65.008/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 30/06/2015:
- Hạn mức: 565.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: mua máy bơm hiệu Grundfos.
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 536.750.000 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 113.000.000 đồng.
- k) Hợp đồng tín dụng số 15.65.12/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 24/07/2015:
- Hạn mức: 1.145.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre (đợt 2/2014).
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 765.671.500 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 161.194.000 đồng.
- l) Hợp đồng tín dụng số 15.65.13/2015-HĐTDDA/NHCT780-BTREWACO ngày 31/07/2015:
- Hạn mức: 1.485.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên).
 - Lãi suất: theo từng kế ước nhận nợ
 - Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách (đợt 2/2014)
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 1.222.658.121 đồng và số nợ gốc phải trả trong năm 2016 là: 261.998.160 đồng.
- (3) Là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số H003/2013 ngày 09/03/2011:
- Hạn mức: 30.000.000.000 đồng
 - Thời hạn vay: 6 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên.
 - Lãi suất: 19,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh hàng quý theo lãi suất cho vay của quý liền kề trước đó.
 - Mục đích vay: mở rộng hệ thống cấp nước Sơn Đông-Tân Phú-tỉnh Bến Tre.
 - Tài sản đảm bảo: Đường ống dẫn nước thô phi 600mm từ Rạch Bến Rớ đến cầu Thành Triệu với chiều dài là 5.132 m. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo định giá của Ngân hàng khoảng 45.455.400.000 đồng.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 4.694.837.386 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 3.684.680.000 đồng.
- (4) Là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7928997 ngày 06/10/2015:
- Số tiền vay: 3.025.765.135 đồng.
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày.
 - Lãi suất: 9%/năm, định kỳ thông báo điều chỉnh lãi suất định kỳ 02 lần/năm.
 - Mục đích vay: thực hiện thi công hạng mục Mạng lưới cấp nước KCM Giao Long giai đoạn 2.
 - Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành trong tương lai.
 - Số dư tại thời điểm 31/11/2015: 3.025.765.135 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong năm 2016 là 330.000.000 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.553.072.065	4.031.315.845	(5.466.981.412)	2.117.406.498
Cộng	3.553.072.065	4.031.315.845	(5.466.981.412)	2.117.406.498

18. Vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Tài sản nhận giữ hộ**

- Nguyên giá tài sản cố định nhận giữ hộ cuối kỳ: 9.007.622.457 đồng.

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

Số nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ: 887.616.039 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>11 tháng đầu năm 2015</u>	<u>12 tháng năm 2014</u>
- Doanh thu cung cấp nước sạch	91.022.472.266	89.193.822.189
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	4.199.341.237	3.161.817.512
- Doanh thu bán hàng hóa	105.244.906	140.660.498
Cộng	95.327.058.409	92.496.300.199

2. Giá vốn hàng bán

	<u>11 tháng đầu năm 2015</u>	<u>12 tháng năm 2014</u>
- Giá vốn cung cấp nước sạch	26.103.969.965	23.542.056.067
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	3.780.206.374	2.714.939.280
- Giá vốn bán hàng hóa	88.622.325	136.625.453
- Giá trị hàng tồn kho mất mát	3.557.183	-
Cộng	29.976.355.847	26.393.620.800

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí bán hàng

	<u>11 tháng đầu năm 2015</u>	<u>12 tháng năm 2014</u>
- Chi phí cho nhân viên	6.104.081.509	6.532.827.875
- Chi phí vật liệu, công cụ	5.981.113.644	6.571.593.775
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.927.401.033	14.501.417.012
- Các chi phí khác	42.910.662	1.186.028.126
Cộng	27.055.506.848	28.791.866.788

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	11 tháng đầu năm 2015	12 tháng năm 2014
- Chi phí cho nhân viên	4.449.602.585	4.481.539.116
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.167.598.057	387.395.751
- Chi phí phân bổ	318.336.380	341.698.903
- Thuế, phí và lệ phí	18.035.809	20.589.305
- Chi phí trích lập dự phòng, xóa nợ	425.579.938	293.690.420
- Các chi phí khác	3.064.698.856	2.147.040.093
Cộng	<u>9.443.851.625</u>	<u>7.671.953.588</u>

6. Chi phí khác

Chủ yếu là chi phí về phạt chậm nộp thuế.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Tiền thu từ đi vay**

	11 tháng đầu năm 2015	12 tháng năm 2014
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	40.448.590.868	57.068.754.092
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>40.448.590.868</u>	<u>57.068.754.092</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	11 tháng đầu năm 2015	12 tháng năm 2014
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	13.910.616.508	15.448.051.560
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>13.910.616.508</u>	<u>15.448.051.560</u>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015, Công ty chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300107725 ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre.

Ban điều hành của Công ty kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Chí Vũ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Thị Diễm Phượng	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc
Hồ Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên HĐQT
Lê Văn Phong	Trưởng Ban kiểm soát
Trần Thị Hồng Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Đình Huấn	Thành viên Ban kiểm soát
Trần Hùng	Phó Tổng giám đốc
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền
Lương	1.041.468.102
Thù lao	88.320.000
Cộng	1.129.788.102

3. Thông tin so sánh

“Năm trước” là số liệu phát sinh từ ngày 01/01 đến ngày 31/12/2014, không có tính chất so sánh với “11 tháng đầu năm 2015” (là số liệu từ ngày 01/01 đến ngày 30/11/2015) trên Kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ.

Số đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán được trình bày theo kết quả xác định lại giá trị doanh nghiệp theo Phương án cổ phần hóa.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm trên BCTC năm 2014	Số đầu năm trên BCTC2015 theo kết quả xác định lại giá trị doanh nghiệp	Chênh lệch
		(1)	(2)	(1)-(2)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	51.867.531.941	51.285.653.955	581.877.986
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.864.748.465	16.864.749.399	(934)
111	Tiền	1.572.395.549	1.369.251.368	203.144.181
112	Các khoản tương đương tiền	15.292.352.916	15.495.498.031	(203.145.115)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	12.690.152.545	13.032.263.149	(342.110.604)
131	Phải thu của khách hàng	9.726.971.145	9.726.971.145	-
132	Trả trước cho người bán	3.182.667.860	3.182.667.860	-
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	74.203.960	122.624.144	(48.420.184)
139	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(293.690.420)	-	(293.690.420)
140	Hàng tồn kho	11.555.206.805	11.555.206.805	-
141	Hàng tồn kho	11.555.206.805	11.555.206.805	-
150	Tài sản ngắn hạn khác	10.757.424.126	9.833.434.602	923.989.524
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	10.650.764.306	9.787.685.706	863.078.600
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	58.239.636	45.748.896	12.490.740
158	Tài sản ngắn hạn khác	48.420.184	-	48.420.184
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	334.638.141.439	360.534.691.601	(25.896.550.162)
220	Tài sản cố định	333.698.197.644	238.836.187.152	94.862.010.492
221	Tài sản cố định hữu hình	218.993.073.910	238.798.187.152	(19.805.113.242)
222	- Nguyên giá	355.450.562.890	418.524.202.462	(63.073.639.572)
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(136.457.488.980)	(179.726.015.310)	43.268.526.330
227	Tài sản cố định vô hình	321.502.863	38.000.000	283.502.863
228	- Nguyên giá	538.367.900	190.000.000	348.367.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(216.865.037)	(152.000.000)	(64.865.037)
239	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	114.383.620.871	-	114.383.620.871
240	Tài sản dở dang dài hạn	-	115.261.237.484	(115.261.237.484)
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	115.261.237.484	(115.261.237.484)
260	Tài sản dài hạn khác	939.943.795	6.437.266.965	(5.497.323.170)
261	Chi phí trả trước dài hạn	939.943.795	6.437.266.965	(5.497.323.170)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	386.505.673.380	411.820.345.556	(25.314.672.176)
300	NỢ PHẢI TRẢ	140.458.430.631	-	140.458.430.631

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

310	Nợ ngắn hạn	32.779.818.562	-	32.779.818.562
311	Vay và nợ ngắn hạn	16.719.421.348	16.719.421.348	-
312	Phải trả người bán	7.362.479.023	7.362.479.023	-
313	Người mua trả tiền trước	480.090	2.527.363	(2.047.273)
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.407.883.362	1.227.327.099	180.556.263
315	Phải trả người lao động	3.622.934.082	4.459.191.638	(836.257.556)
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	456.487.450	456.487.450	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	409.525.887	409.525.887	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.800.607.320	3.553.072.065	(752.464.745)
330	Nợ dài hạn	107.678.612.069	107.678.612.069	-
334	Vay và nợ dài hạn	107.678.612.069	107.678.612.069	-
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	246.047.242.749	269.951.701.614	(23.904.458.865)
410	Vốn chủ sở hữu	246.047.242.749	269.951.701.614	(23.904.458.865)
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.190.653.387	92.952.574.777	9.238.078.610
413	Vốn khác của chủ sở hữu	3.279.663.728	3.279.663.728	-
416	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	34.576.494.419	(34.576.494.419)
417	Quỹ đầu tư phát triển	52.892.427.672	60.751.035.731	(7.858.608.059)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.292.565.003		9.292.565.003
421	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	78.391.932.959	78.391.932.959	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	386.505.673.380	411.820.345.556	(25.314.672.176)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Mã số	Chỉ tiêu	Số năm nay trên BCTC năm 2014	Số năm trước trên BCTC 2015 theo kết quả xác định lại giá trị doanh nghiệp	Chênh lệch
		(1)	(2)	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.496.300.199	92.496.300.199	-
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	259.123	259.123	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.496.041.076	92.496.041.076	-
11	Giá vốn hàng bán	26.393.620.800	26.393.620.800	-
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.102.420.276	66.102.420.276	-
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.176.582.768	1.176.582.768	-
22	Chi phí tài chính	7.107.810.814	7.107.810.814	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	7.107.810.814	7.107.810.814	-
24	Chi phí bán hàng	27.835.445.487	28.791.866.788	(956.421.301)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.671.983.640	7.671.953.588	30.052
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.663.763.103	23.707.371.854	956.391.249
31	Thu nhập khác	220.628.074	220.628.074	-
31	Chi phí khác	780.114.914	780.114.914	-
40	Lợi nhuận khác	(559.486.840)	(559.486.840)	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.104.276.263	23.147.885.014	956.391.249
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.243.956.754	5.040.718.050	203.238.704
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.860.319.509	18.107.166.964	753.152.545

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có các yếu tố nào dẫn đến làm mất khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của công ty.

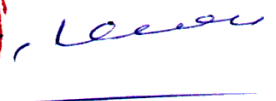
Bến Tre, ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



VÕ THỊ THIÊN TRANG

LÊ VĂN PHONG

PHẠM CHÍ VŨ

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

103 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

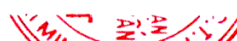
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

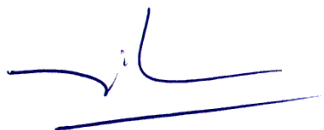
ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn xây dựng cơ bản	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
1. Số dư đầu năm trước	102.190.653.387	3.279.663.728	-	40.450.020.929	7.092.861.027	34.549.098.574	187.562.297.645
2. Tăng trong năm trước	-	-	34.576.494.419	20.301.014.802	18.860.349.561	43.842.834.385	117.580.693.167
3. Giảm trong năm trước	9.238.078.610	-	-	-	25.953.210.588	-	35.191.289.198
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	92.952.574.777	3.279.663.728	34.576.494.419	60.751.035.731	-	78.391.932.959	269.951.701.614
5. Tăng trong kỳ này	187.047.425.223	-	-	-	18.802.630.276	-	205.850.055.499
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	18.802.630.276	-	18.802.630.276
- Bổ sung từ tiền thu phát hành cổ phần	10.048.298.386	-	-	-	-	-	10.048.298.386
- Bổ sung từ chênh lệch đánh giá lại tài sản	34.576.494.419	-	-	-	-	-	34.576.494.419
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	60.751.035.731	-	-	-	-	-	60.751.035.731
- Bổ sung từ Nguồn vốn xây dựng cơ bản	78.391.932.959	-	-	-	-	-	78.391.932.959
- Bổ sung từ Vốn khác của chủ sở hữu	3.279.663.728	-	-	-	-	-	3.279.663.728
6. Giảm trong kỳ này	-	3.279.663.728	34.576.494.419	60.751.035.731	18.802.630.276	78.391.932.959	195.801.757.113
- Bổ sung vào Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	3.279.663.728	34.576.494.419	60.751.035.731	199.851.777	78.391.932.959	177.198.978.614
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	4.031.315.845	-	4.031.315.845
- Trả về cổ phần hóa	-	-	-	-	14.571.462.654	-	14.571.462.654
7. Số dư cuối kỳ này	280.000.000.000	-	-	-	-	-	280.000.000.000



Bến Tre, ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Người lập biểu



VÕ THỊ THIÊN TRANG

Kế toán trưởng



LÊ VĂN PHONG

Giám đốc



PHẠM CHÍ VŨ